BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ KHÍ NÔNG NGHIỆP

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 08: Từ 03/03 Đến 09/03/2025

LỚP			62CCT1	62CDC1	62CDH1	62CDL1	62CDT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 03/03	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN					Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		
		2																	
		3															Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		
		4																	
		5																	
	Chiều	6											Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.101)
		7													Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	
		8											CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)
		9																	
		10																	
Thứ 3 04/03	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN					Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)		Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)
		2																	
		3															CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)
		4															Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)		Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.203)
		5																	
	Chiều	6											Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	
		7																Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	
		8											Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	
		9													Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.102)			
		10											Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)				CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	
Thứ 4 05/03	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN							Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.203)
		2																	
		3																	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)
		4																	Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)
		5																	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)
	Chiều	6											Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.407)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	
		7															Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)		
		8											CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	
		9											Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)		Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	
		10											Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)		

LỚP			62CCT1	62CDC1	62CDH1	62CDL1	62CDT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 06/03	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN					Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		CCD Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)
		2															CCD Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		
		3															CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)
		4															Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		
		5																	CCD Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)
	Chiều	6											Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.102)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.102)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)	
		7																	
		8											CCD Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	CCD Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	
		9													Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)			
		10											Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)				CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	
Thứ 6 07/03	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN							
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 08/03	Sáng	1	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	HDHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HDHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	HDHNTN 12_2 Chu Thị Tính (H5.201)	HDHNTN 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 08: Từ 03/03 Đến 09/03/2025

LỚP			62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVGK1	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVS4	62TVVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 03/03	Sáng	1	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)			Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)		Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)				
		2				Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)				
		3	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)				Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)						
		4				Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)					Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)				
		5				CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)				CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)					CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)				
	Chiều	6		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.101)								Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.302)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)		Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.302)
		7		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)											Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)		
		8		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)								Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)					Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)
		9																		
		10																		
Thứ 3 04/03	Sáng	1	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)		Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.101)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.101)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)		
		2				CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.301)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.304)		
		3	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)				
		4	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)		Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.203)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.301)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)		
		5							Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)						
	Chiều	6		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)									Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)
		7		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)																
		8		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)									CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)							CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)
		9											Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)							Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)
		10		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)																
Thứ 4 05/03	Sáng	1			Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.203)	CCĐ Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)		CCĐ Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		2				CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.301)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		3			CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)		CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)			Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)
		4			Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)				Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.301)		Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)		
		5			Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)								CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)							CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.201)
	Chiều	6	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)					Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.101)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.101)			Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.303)					
		7	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)																	
		8	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)					Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)			CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.303)					
		9		Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)					CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)			CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)					
		10	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)												Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)					

LỚP			62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVGK1	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVS4	62TVVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 06/03	Sáng	1	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		CCD Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)									Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.304)		
		2	CCD Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)																	
		3	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)									Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)			Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		
		4	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)											Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)			Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		
		5			CCD Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)															
	Chiều	6		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)			Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.103)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.101)			Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.101)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)					Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)
		7													Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)					
		8		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)			CCD Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)	CCD Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)					Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)
		9					Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)					
		10		CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)					CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)			CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	CCD Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		CCD Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)					CCD Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)
Thứ 6 07/03	Sáng	1				Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)										Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)				
		2																		
		3				Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)				Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)					Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)				
		4																		
		5								Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)									
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 08/03	Sáng	1	HDHNTN 12_2 Chu Thị Tính (H5.201)	HDHNTN 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	HDHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HDHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	HDHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	HDHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	HDHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		HDHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 08: Từ 03/03 Đến 09/03/2025

LỚP			62TVVP2	62TVVP3	63CDC1	63CDC2	63CDH1	63CDL1	63CDT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TDC1	63TDC1A	63TDC2	63TDC3
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 03/03	Sáng	1	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)														Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)		CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)
		2	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)																Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)
		3	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)														Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)		Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)
		4																		
		5																		
	Chiều	6		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)				Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (X22.109)			Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP- KT)					Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208 Phòng học PLC)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.107 Phòng học Trang bị điện - 2)	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.202 Phòng học Máy điện)	
		7		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)																
		8		CCĐ Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)																
		9																		
		10																		
Thứ 3 04/03	Sáng	1	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)							Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)						Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)		Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)
		2	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.301)																CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	CCĐ Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)
		3	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.103)													Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)
		4	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.301)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)													Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)		Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.307)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.307)
		5	CCĐ Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)																	
	Chiều	6						Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (X22.109)			Quan hệ với nhà cung cấp và khách hàng Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP- KT)					Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208 Phòng học PLC)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.107 Phòng học Trang bị điện - 2)	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân (X23.202 Phòng học Máy điện)	
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 05/03	Sáng	1	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)								Kế toán máy Bùi Thu Trang (TV_THI TN03)	Quản lý bao bì và rác thải Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)					Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)
		2	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.301)														Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)			
		3															Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)		Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)
		4	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.301)														Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)
		5															CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)			
	Chiều	6		Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.303)				Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (X22.109)								Trang bị điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208 Phòng học PLC)	Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.107 Phòng học Trang bị điện - 2)		
		7																		
		8		CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.303)																
		9		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)																
		10		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)																

LỚP			62TVVP2	62TVVP3	63CDC1	63CDC2	63CDH1	63CDL1	63CDT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TDC1	63TDC1A	63TDC2	63TDC3
THứ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 06/03	Sáng	1	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)								Kế toán máy Bùi Thu Trang (TV_THI TN03)	Quản lý bao bì và rác thải Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)					CCD Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)
		2															Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)			
		3	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)														Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)		Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)
		4	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)																	
		5															Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)
	Chiều	6		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)				Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (X22.109)									Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.107 Phòng học Trang bị điện - 2)		Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)
		7		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)																
		8		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)																
		9		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)																
		10		CCD Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)																
Thứ 6 07/03	Sáng	1									Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)									
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6						Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.309)	Kỹ thuật số nâng cao Phạm Đức Tùng (X22.109)										Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()	Truyền động điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 08/03	Sáng	1	HDHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)																
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6															HDHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		HDHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 08: Từ 03/03 Đến 09/03/2025

LỚP			63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 03/03	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuấ ()	Điện tử công nghiệp Trần Thị Thơm ()	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()			Điều khiển lập trình PLC Lỗ Văn Ba ()	Điều khiển lập trình PLC Cao Thị Thu ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (X22.303)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.308)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Kỹ thuật số nâng cao Trần Quốc Phương (X22.109)			Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Phay Chu Mạnh Vinh (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)
		2																		
		3																Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)		
		4																		
		5																		
	Chiều	6														Vi điều khiển Lưu Quang Hưng ()	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huế ()	Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 3 04/03	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuấ ()	Điện tử công nghiệp Trần Thị Thơm ()	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()			Điều khiển lập trình PLC Lỗ Văn Ba ()	Điều khiển lập trình PLC Cao Thị Thu ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kết (X22.303)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.308)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Kỹ thuật số nâng cao Trần Quốc Phương (X22.109)			Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)	Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Phay Chu Mạnh Vinh (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)
		2																		
		3																Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		
		4																Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)		
		5																		
	Chiều	6										Ktra: Hệ thống máy lạnh công nghiệp-1-2-2024(N01) Lưu Quang Hưng (...)					Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huế ()	Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 05/03	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuấ ()	Điện tử công nghiệp Trần Thị Thơm ()	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()			Điều khiển lập trình PLC Lỗ Văn Ba ()	Điều khiển lập trình PLC Cao Thị Thu ()		Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.308)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Kỹ thuật số nâng cao Trần Quốc Phương (X22.109)			Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Phay Chu Mạnh Vinh (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)
		2																Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)		
		3																Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)		
		4																Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		
		5																CCĐ Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)		
	Chiều	6														Vi điều khiển Lưu Quang Hưng ()	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huế ()	Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_Xưởng TH Khoa Cơ khí)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			63TĐC4_YL	63TĐC5_YL	63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 06/03	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuấ ()	Điện tử công nghiệp Trần Thị Thơm ()	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()			Điều khiển lập trình PLC Lỗ Văn Ba ()	Điều khiển lập trình PLC Cao Thị Thu ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kiệt (X22.303)	Hệ thống máy lạnh dân dụng Đặng Duy Thanh (X22.308)	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X22.202)	Kỹ thuật số nâng cao Trần Quốc Phương (X22.109)			CCD Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	Tiện CNC Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Phay Chu Mạnh Vinh (X10.04_Xưởng TH Khoa Cơ khí)
		2																Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		
		3																Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)		
		4																		
		5																Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		
	Chiều	6					Truyền động điện Phan Thị Lý ()	Truyền động điện Đỗ Tiến Phong ()								Vi điều khiển Lưu Quang Hưng ()	Kỹ thuật số nâng cao Dương Thanh Huệ ()	Phay Chu Mạnh Hùng (X10.07_ Xưởng TH Khoa Cơ khí)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 6 07/03	Sáng	1	Trang bị điện Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Nguyễn Trung Tuấ ()	Điện tử công nghiệp Trần Thị Thơm ()	Điện tử công nghiệp Hoàng Văn Quân ()			Điều khiển lập trình PLC Lỗ Văn Ba ()	Điều khiển lập trình PLC Cao Thị Thu ()	Hệ thống máy lạnh dân dụng Bùi Công Kiệt (X22.303)									
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6					Truyền động điện Phan Thị Lý ()	Truyền động điện Đỗ Tiến Phong ()								Vi điều khiển Lưu Quang Hưng ()		Trang bị điện máy công cụ Nguyễn Văn Bảy (X10.203_PHLT Khoa CK)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 08/03	Sáng	1					Truyền động điện Phan Thị Lý ()	Truyền động điện Đỗ Tiến Phong ()	Điều khiển lập trình PLC Lỗ Văn Ba ()	Điều khiển lập trình PLC Cao Thị Thu ()										
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6					Truyền động điện Phan Thị Lý ()	Truyền động điện Đỗ Tiến Phong ()										HDHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 08: Từ 03/03 Đến 09/03/2025

LỚP			63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 03/03	Sáng	1		Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)				Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.402)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)			Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		
		2		Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)													Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)		
		3		Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.303)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)				Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)		Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)				
		4			Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)				Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)				Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		
		5															CCD Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	CCD Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)		
	Chiều	6		Kế toán doanh nghiệp II Vũ Thị Lâm (H3.205_Khoa SP-KT)	Kế toán máy Trần Việt Anh (TV_THI TN03)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)				Sửa chữa bộ nguồn máy tính Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)				SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)		Thiết kế mạng LAN Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)			
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 3 04/03	Sáng	1		Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)			Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.406)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.406)		
		2			Tin 11_2 Vũ Lê Thu (H5.401)	Tin 11_2 Vũ Lê Thu (H5.401)				Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)				Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.404)		Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.404)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.406)		
		3		CCD Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)						Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)							Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)		
		4		Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)				Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)				Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Tin 11_2 Vũ Lệ Thu (H5.406)	Tin 11_2 Vũ Lê Thu (H5.406)		
		5								CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)				CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)		CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)				
	Chiều	6		Kế toán doanh nghiệp II Vũ Thị Lâm (H3.205_Khoa SP-KT)	Kế toán máy Trần Việt Anh (TV_THI TN03)	Kế toán doanh nghiệp III Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)				Sửa chữa bộ nguồn máy tính Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)				SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)		Thiết kế mạng LAN Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 05/03	Sáng	1		Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	CCD Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	CCD Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)				Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)			Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)		
		2		Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)								Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)		Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		
		3			Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.401)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.401)				CCD Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)				Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)		
		4		Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)						Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)				CCD Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		CCD Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)		
		5			Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)											Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)		
	Chiều	6		Kế toán doanh nghiệp II Vũ Thị Lâm (H3.205_Khoa SP-KT)	Kế toán máy Trần Việt Anh (TV_THI TN03)					Sửa chữa bộ nguồn máy tính Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)				SQL Server Vũ Lệ Thu (H3.209.TH Tin học)		Thiết kế mạng LAN Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX
THứ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 06/03	Sáng	1		Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)								Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.406)		
		2																		
		3		Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)								Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)	CCD Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	CCD Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	
		4		CCD Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)										Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)		
		5		Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)	CCD Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	CCD Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)								Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)				
	Chiều	6			Kế toán doanh nghiệp II Bùi Thu Trang (H3.206_Khoa SP- KT)	Kế toán doanh nghiệp II Trần Việt Anh (H3.106_Khoa SP- KT)						Kỹ thuật điện tử Tạ Ngọc Dũng ()	Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng ()					Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H2.301_TH LR Máy tính)	SQL Server Phan Hoàng Lan ()	SQL Server Võ Lệ Thu ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 6 07/03	Sáng	1	Hàn TIG Lê Văn Nam ()							Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Kỹ thuật xung số Nguyễn Tuấn Hùng (H3.204.TH KHOA TIN)									
		2																		
		3								Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)										
		4																		
		5								Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)										
	Chiều	6	Hàn TIG Lê Văn Nam ()		Kế toán máy Trần Việt Anh (TV_TH: TN03)							Kỹ thuật điện tử Tạ Ngọc Dũng ()	Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng ()			Ktra: Photoshop-1-2-2024(N03) Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			SQL Server Phan Hoàng Lan ()	SQL Server Võ Lệ Thu ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 08/03	Sáng	1	Hàn TIG Lê Văn Nam ()						Xử lý bảng tính Trần Việt Anh ()			Kỹ thuật điện tử Tạ Ngọc Dũng ()	Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng ()							
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Hàn TIG Lê Văn Nam ()	HDHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)			Xử lý bảng tính Trần Việt Anh ()	HDHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)		Kỹ thuật điện tử Tạ Ngọc Dũng ()	Kỹ thuật điện tử Hoàng Tùng ()	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HDHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HDHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 08: Từ 03/03 Đến 09/03/2025

LỚP			63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CDC1	64CDH1	64CDL1	64CDT1	64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 03/03	Sáng	1	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.402)	CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Vật lý 11_2 Pham Thanh Mai (H5.303)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()						Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208 PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TẦNG 2)	
		2			CCD Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	CCD Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)		Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.207)								
		3	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)			Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.303)										
		4	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)			Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)											
		5	CCD Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	CCD Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)																
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206 PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Pham Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01 PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SÁNH TẦNG 3)	Bảng tính điện tử Nguyễn Thị Hường (H2.203_TH Tin Đại cương)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H2.302_TH QTM)	Văn bản pháp qui Phùng Thị Minh Phương (H3.203_TH Máy tính)	Bảng tính điện tử Kim Thị Thương (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Nhàn (H3.208)	Tin học Vũ Bá Tòng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)			Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 3 04/03	Sáng	1	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)								Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208 PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TẦNG 2)	
		2	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)			Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)													
		3	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.302)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.302)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	CCD Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)										
		4			Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.303)										
		5					CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)													
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206 PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Pham Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01 PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SÁNH TẦNG 3)	Bảng tính điện tử Nguyễn Thị Hường (H2.203_TH Tin Đại cương)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H2.302_TH QTM)	Văn bản pháp qui Phùng Thị Minh Phương (H3.203_TH Máy tính)	Bảng tính điện tử Kim Thị Thương (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Nhàn (H3.207)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Nhàn (H3.207)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.208)	Tin học Vũ Bá Tòng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Nhàn (H3.207)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Dương Mạnh Hà (X11.208 PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÁNH TẦNG 2)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 05/03	Sáng	1	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.302)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.302)	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)								Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÁNH TẦNG 2)		
		2			Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)		Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.403)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.403)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)										
		3	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	CCD Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)													
		4	CCD Vật lý 11_2 Pham Thanh Mai (H5.202)	CCD Vật lý 11_2 Pham Thanh Mai (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)										
		5	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)				Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)											
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viện (X11.206 PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Pham Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Vũ Quang Anh (X11.306_01 PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SÁNH TẦNG 3)	Bảng tính điện tử Nguyễn Thị Hường (H2.203_TH Tin Đại cương)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H2.302_TH QTM)	Văn bản pháp qui Phùng Thị Minh Phương (H3.203_TH Máy tính)	Bảng tính điện tử Kim Thị Thương (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.208)	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.207)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.208)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.108_CNTT)	Tin học Vũ Bá Tòng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.208)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CDC1	64CDH1	64CDL1	64CDT1	64CLG1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTT1
THứ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 06/03	Sáng	1	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)		Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)							Tiếng Nhật (H3.103)		Kta: Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1-1-2-24(N02) (...)	
		2																		
		3	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)		Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)										
		4			CCD Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	CCD Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)				CCD Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)										
		5	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)		CCD Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCD Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)										
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viên (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Võ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SÁNH TẦNG 3)	Bảng tính điện tử Nguyễn Thị Hướng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Kết nối máy tính vớt thiết bị ngoại vi Lê Hoàng (H2.302_TH QTM)	Văn bản pháp qui Phùng Thị Minh Phương (H3.203_TH Máy tính)	Bảng tính điện tử Kim Thị Thương (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.208)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.207)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.208)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Tin học Vũ Bá Tòng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.208)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()			Tiếng anh 3 Trịnh Thị Kim Thu (H3.103)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 6 07/03	Sáng	1					Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)								Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H5.101)			Kta: Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1-1-2-24(N01) (...)		
		2																		
		3					Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)													
		4																		
		5					Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)													
	Chiều	6	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Lê Ngọc Viên (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 3 Võ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SÁNH TẦNG 3)						Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.207)		Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.108_CNTT)	Tin học Vũ Bá Tòng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Tiếng anh 3 Nguyễn Hồng Yến (H3.101)			
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 08/03	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	HDHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HDHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HDHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HDHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)										
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 08: Từ 03/03 Đến 09/03/2025

LỚP			64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TDC1	64TDC2	64TDC3_YL	64TDC4_YL	64TDH1	64TDH2_YL	64TDL1	64TDL1A	64TDP1	64TDT1	64TDT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 03/03	Sáng	1	Vật liệu cơ khí Phan Thanh Đạt (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kĩthuật đo lường Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.108)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yến (H3.101)	Kỹ thuật điện Đặng Việt Hùng (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)			Vẽ điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành (X22.102)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)	Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X22.104)	Lắp ráp mạch điện tử Phạm Duy Quyết (X22.107)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		Kinh tế vĩ mô Phạm Thị Thùy Lệ (H3.206_Khoa SP- KT)
		2												Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)						
		3				Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)								Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)				Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	Đo lường Hoàng Quyết Tiến (X22.101)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N04) Cao Thị Thu (...) Đo lường điện-1-2-2024(N05) Nguyễn Anh Đức (...)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N06) Nguyễn Trung Tuấ (...) Đo lường điện-1-2-2024(N07) Nguyễn Bá Thanh (...)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N_T01) Phạm Quang Thắng (...) Đo lường điện-1-2-224(N09) Hoàng Văn Hùng (...)	Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Kỹ thuật điện Phạm Ngọc Ánh (X22.107)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Kĩthuật đo lường Vũ Minh Cường (X10.203_PHLT Khoa CK)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)
		7	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)			CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)				Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)
		8		Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)			Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)				Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)
		9	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCD Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)		CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)			Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)
		10						Ktra: Tiếng Anh 2-1-2-2024(N11) (TV_THI THO1)												
Thứ 3 04/03	Sáng	1	Vẽ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kĩthuật đo lường Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.108)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Vẽ điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Kỹ thuật điện Đặng Việt Hùng (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)			Vẽ điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành (X22.102)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X22.104)	Lắp ráp mạch điện tử Phạm Duy Quyết (X22.107)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.205_Khoa SP-KT)	Kinh tế vĩ mô Phạm Thị Thùy Lệ (H3.206_Khoa SP- KT)
		2																		
		3				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)								Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)		
		4																		
		5												Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)						
	Chiều	6	Vẽ kĩ thuật 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	Đo lường Hoàng Quyết Tiến (X22.101)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N04) Cao Thị Thu (...) Đo lường điện-1-2-2024(N05) Nguyễn Anh Đức (...)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N06) Nguyễn Trung Tuấ (...) Đo lường điện-1-2-2024(N07) Nguyễn Bá Thanh (...)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N_T01) Phạm Quang Thắng (...) Đo lường điện-1-2-224(N09) Hoàng Văn Hùng (...)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Kỹ thuật điện Phạm Ngọc Ánh (X22.107)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Kĩthuật đo lường Vũ Minh Cường (X10.203_PHLT Khoa CK)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)
		7	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)				Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.402)								Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)					
		8		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	CCD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)		CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.204)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)
		9	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)					Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.401)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	
		10	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)							Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.203)									Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.203)
Thứ 4 05/03	Sáng	1	Vẽ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kĩthuật đo lường Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.108)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vẽ điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Kỹ thuật điện Đặng Việt Hùng (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)			Vẽ điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành (X22.102)	Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)		Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X22.104)	Lắp ráp mạch điện tử Phạm Duy Quyết (X22.107)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		
		2																		
		3				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)												Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)	Kinh tế vĩ mô Phạm Thị Thùy Lệ (H3.205_Khoa SP-KT)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP- KT)
		4												Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)						
		5				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)												Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)		
	Chiều	6	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Đo lường Hoàng Quyết Tiến (X22.101)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N04) Cao Thị Thu (...) Đo lường điện-1-2-2024(N05) Nguyễn Anh Đức (...)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N06) Nguyễn Trung Tuấ (...) Đo lường điện-1-2-2024(N07) Nguyễn Bá Thanh (...)	CCD Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N_T01) Phạm Quang Thắng (...) Đo lường điện-1-2-224(N09) Hoàng Văn Hùng (...)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Kỹ thuật điện Phạm Ngọc Ánh (X22.107)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Kĩthuật đo lường Vũ Minh Cường (X10.203_PHLT Khoa CK)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	CCD Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)
		7					Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)	CCD Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)		CCD Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	CCD Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		CCD Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)
		8	Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	CCD Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)				Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.203)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.401)			Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.401)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.203)
		9	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.402)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)			Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)				CCD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)		Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)
		10			Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)		Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.402)													

LỚP			64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TDC1	64TDC2	64TDC3_YL	64TDC4_YL	64TDH1	64TDH2_YL	64TDL1	64TDL1A	64TDP1	64TDT1	64TDT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2
THứ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 06/03	Sáng	1	Vẽ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)	KĩI thuật đo lường Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.108)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)	Vẽ điện Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)	Kỹ thuật điện Đặng Việt Hùng (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)			Vẽ điện Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành (X22.102)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X22.104)	Lắp ráp mạch điện tử Phạm Duy Quyết (X22.107)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)	Kinh tế vĩ mô Phạm Thị Thùy Lê (H3.205_Khoa SP-KT)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP- KT)
		2																		
		3																		
		4												Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)						
		5																		
	Chiều	6	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Đo lường Hoàng Quyết Tiến (X22.101)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N04) Cao Thị Thu (...) Đo lường điện-1-2-2024(N05) Nguyễn Anh Đức (...)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N06) Nguyễn Trung Tuế (...) Đo lường điện-1-2-2024(N07) Nguyễn Bá Thanh (...)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N_T01) Phạm Quang Thắng (...) Đo lường điện-1-2-2024(N09) Hoàng Văn Hùng (...)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Văn (H5.401)	Kĩ thuật điện Phạm Ngọc Ánh (X22.107)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Văn (H5.401)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)
		7		Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)													CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			
		8	Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tô Quyên (H5.204)		CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)			Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.203)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tô Quyên (H5.204)	
		9	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Văn (H5.306)	Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)							Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.301)		CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.203)
		10	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)				Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)				CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)		Ngữ văn 10_2 Ta Thị Bích Hồng (H5.401)			Ngữ văn 10_2 Ta Thị Bích Hồng (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)
Thứ 6 07/03	Sáng	1	Tiếng Anh 2 Trần Thu Hường (H3.101)	Tiếng Anh 2 Trịnh Thị Kim Thu (H3.103)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Thị Thanh Thủy (X22.108)		Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yến (H3.108_CNTT)	Kỹ thuật điện Đặng Việt Hùng (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)			Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.207)				Mạng máy tính Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)				Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.205_Khoa SP-KT)	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)	Tách: Đo lường điện-1-2-2024(N_T01) Phạm Quang Thắng (...) Đo lường điện-1-2-2024(N09) Hoàng Văn Hùng (...)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Văn (H5.401)	Ktra: Kỹ thuật hàn-1-2-2024(N01) Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Văn (H5.401)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 08/03	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 08: Từ 03/03 Đến 09/03/2025

LỚP			64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 03/03	Sáng	1		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)		Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.209:TH Tin học)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng (H3.108_CNTT)	Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)		Mạng máy tính Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)	Hệ quản trị CSDL Access Võ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.107_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.107_CNTT)
		2		Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)															
		3		Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)		Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)			Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.104)										
		4							Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)										
		5																	
	Chiều	6		Đo lường điện Nguyễn Duy Thanh (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Nhập môn Logistic Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Cơ sở dữ liệu Lê Thị Châm (H3.107_CNTT)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.301)		CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)
		7			CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)			Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)		
		8			Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)		Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)			Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)
		9			Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCD Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		10																	
Thứ 3 04/03	Sáng	1		Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)		Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.107)		Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.209:TH Tin học)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng (H3.108_CNTT)	Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)		Mạng máy tính Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)	Tiếng Anh 2 Nguyễn Hồng Yến (H3.101)	Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.107_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.107_CNTT)
		2																	
		3		Lịch sử 2 Lưu Thị Thuý (H5.106)					Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)										
		4				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)			Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.104)										
		5		Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)															
	Chiều	6		Đo lường điện Nguyễn Duy Thanh (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Nhập môn Logistic Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	Cơ sở dữ liệu Lê Thị Châm (H3.107_CNTT)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)		Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)
		7			Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hoà (H5.402)			Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)		Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.301)		Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)			
		8			Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)		CCD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)			Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		9						Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)		CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)			
		10			CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)		CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)				Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.404)				Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)
Thứ 4 05/03	Sáng	1		Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.106)		Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.209:TH Tin học)	Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng (H3.108_CNTT)	Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)		Mạng máy tính Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)	Hệ quản trị CSDL Access Võ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.107_CNTT)	Cơ sở dữ liệu Tạ Văn Khoa (H3.107_CNTT)
		2																	
		3				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)										
		4		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)		Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.107)													
		5																	
	Chiều	6		Đo lường điện Nguyễn Duy Thanh (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Nhập môn Logistic Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	Cơ sở dữ liệu Lê Thị Châm (H3.107_CNTT)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)
		7									Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuý (H5.404)							
		8			Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.406)		Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.406)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)		CCD Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)
		9						CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.402)			Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)			Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)		
		10			Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hoà (H5.402)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)			Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	CCD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)				CCD Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	CCD Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)

LỚP			64TKT3_BX	64TLD1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 06/03	Sáng	1		Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.107)		Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng (H3.108_CNTT)	Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_Th LR Máy tính)	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)		Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.208)	Hệ quản trị CSDL Access Võ Lê Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Lê Thị Châm (H3.107_CNTT)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Lê Thị Châm (H3.107_CNTT)
		2																	
		3		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.106)					Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thuỷ Ngọc (H5.104)										
		4																	
		5							Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.104)										
	Chiều	6	Nguyên lý kế toán Lương Thị Hương ()		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Nhập môn Logistic Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Tách: Mạng máy tính-1-2-2024(N_T15) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB) Mạng máy tính-1-2-24(N14) Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng ()	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)
		7											CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)				Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)		
		8			Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)		CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)
		9						Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.301)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CCD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	CCD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)
		10			Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)			Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)
Thứ 6 07/03	Sáng	1		Đo lường điện Nguyễn Duy Thanh (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)			Tiếng Anh 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.207)	Tiếng Anh 2 Triệu Văn Dũng (H3.208)				Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hường (H3.203_TH Máy tính)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)			Hệ quản trị CSDL Access Võ Lê Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Lê Thị Châm (H3.107_CNTT)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Lê Thị Châm (H3.107_CNTT)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Kinh tế vĩ mô Bùi Thu Trang ()		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Tách: Mạng máy tính-1-2-2024(N_T15) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB) Mạng máy tính-1-2-24(N14) Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 08/03	Sáng	1	Kinh tế vĩ mô Bùi Thu Trang ()												Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng ()				
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6													Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Nguyễn Tiến Dũng ()				
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	